

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KỸ NĂNG THÍCH ỨNG
PHẢN BIỆN VÀ TƯ DUY SÁNG TẠO

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

- Tên học phần:** Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo.
- Mã học phần:** KNM 007
- Số tín chỉ:** 3 (2,1).
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ ba.
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành.
 - Tự học: 90 giờ.
- Điều kiện tiên quyết:** Sau khi học xong học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm.
- Giảng viên**

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email |
|-----|--------------------------|---------------|-------------------------------|
| 1 | ThS. Phạm Xuân Đức | 0904.409.139 | phamxuanducsdu@gmail.com |
| 2 | ThS. Trần Thị Hồng Nhung | 0974.588.423 | Nhungkienlinhchi@gmail.com |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Hiền | 0972.579.236 | nguyenhienhp25@gmail.com |
| 4 | TS. Phạm Thị Hồng Hoa | 0384.080136 | Honghoa_dhsd@yahoo.com |
| 5 | ThS. Nguyễn Thị Hải Hà | 0984.851.368 | nguyenhadhsd@gmail.com |
| 6 | ThS. Đặng Thị Dung | 0357.158.987 | dungdungdhsd@gmail.com |
| 7 | ThS. Nguyễn Thị Tinh | 0984.327.750 | Tinh261086@gmail.com |
| 8 | TS. Vũ Văn Đông | 0985.412.618 | Duydongvu82@gmail.com |
| 9 | ThS. Nguyễn Mạnh Tường | 0904.476.146 | Nguyenmanhtuong10@gmail.com |
| 10 | ThS. Đỗ Thị Thùy | 0936.503.703 | thuydhsd@gmail.com |
| 11 | ThS. Phạm Thị Mai | 0978.370.438 | nng44862@gmail.com |
| 12 | TS. Phùng Thị Lý | 0989.407.962 | Phunglysd@gmail.com |
| 13 | TS. Phạm Văn Dự | 0976.181.949 | Phamvandu84@gmail.com |
| 14 | TS. Nguyễn Thị Nhan | 0984.647.781 | Nguyenthinhan010187@gmail.com |

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách

nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu của học phần thoả mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu | Mô tả mục tiêu | Mức độ theo thang đo Bloom | Đáp ứng mục tiêu của CTĐT |
|------------|--|----------------------------|---------------------------|
| MT1 | Kiến thức | | |
| MT1.1 | Diễn giải được các nội dung cơ bản của kỹ năng thích ứng, từ đó lấy ví dụ để làm rõ các nội dung. | 2 | [1.2.1.1a] |
| MT1.2 | Diễn giải được các nội dung cơ bản của kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo, từ đó lấy ví dụ để làm rõ các nội dung. | 2 | |
| MT2 | Kỹ năng | | |
| MT2.1 | Phân tích và thực hành được kỹ năng thích ứng và kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo, liên hệ được trong thực tiễn. | 4 | [1.2.2.2] |
| MT2.2 | Vận dụng kỹ năng thích ứng và kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề liên quan trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống. | 3 | |
| MT3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| MT3.1 | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. | 4 | [1.2.3.1] |
| MT3.2 | Có năng lực tổ chức, hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ khi làm việc nhóm. | 4 | [1.2.3.2] |

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CDR học phần | Mô tả CDR học phần | Mức độ theo thang đo Bloom | Đáp ứng CDR của CTĐT |
|--------------|---|----------------------------|----------------------|
| CDR1 | Kiến thức | | |
| CDR1.1 | Diễn giải được khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng trong môi trường sống, trong học tập, môi trường làm việc, đối diện với thử thách... | 2 | [2.1.1] |

| CDR học phần | Mô tả CDR học phần | Mức độ theo thang đo Bloom | Đáp ứng CDR của CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------|
| CDR1.2 | Diễn giải được đặc điểm, vai trò và những lợi ích cụ thể của phản biện và tư duy sáng tạo các bước rèn luyện kỹ năng phản biện, phân loại, phẩm chất và quy trình, phương pháp tư duy sáng tạo. | 2 | |
| CDR2 | Kỹ năng | | |
| CDR2.1 | Phân tích được các nội dung kỹ năng thích ứng và kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo. Liên hệ với thực tiễn. | 4 | [2.2.4] |
| CDR2.2 | Vận dụng được kỹ năng thích ứng và kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống hằng ngày. | 3 | [2.2.5] |
| CDR3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| CDR3.1 | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm cá nhân trong quá trình học tập làm việc nhóm. | 4 | [2.3.1] |
| CDR3.2 | Có năng lực tổ chức, hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ khi làm việc nhóm. | 4 | [2.3.3] |

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

| Chương | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | |
|--------|--|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | | CDR1 | | CDR2 | | CDR3 | |
| | | CDR 1.1 | CDR 1.2 | CDR 2.1 | CDR 2.2 | CDR 3.1 | CDR 3.2 |
| 1 | CHƯƠNG V. KỸ NĂNG THÍCH ỨNG A. LÝ THUYẾT 1. Khái niệm, vai trò của kỹ năng thích ứng 1.1. Một số khái niệm 1.2. Vai trò của kỹ năng thích ứng 2. Kỹ năng thích ứng với môi trường sống 2.1. Khái niệm 2.2. Sự cần thiết phải thích ứng với môi trường sống 2.3. Nội dung cần thích ứng với môi trường sống 3. Kỹ năng thích ứng trong học tập của sinh viên 3.1. Khái niệm kỹ năng thích ứng trong học tập 3.2. Sự cần thiết sinh viên phải thích ứng | 2 | | 4 | 3 | 4 | 4 |

| Chương | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | |
|--------|---|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | CDR1 | | CDR2 | | CDR3 | |
| | | CDR 1.1 | CDR 1.2 | CDR 2.1 | CDR 2.2 | CDR 3.1 | CDR 3.2 |
| | trong học tập 3.3. Nội dung cần thích ứng trong học tập 4. Kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc 4.1. Khái niệm 4.2. Sự cần thiết phải thích ứng với môi trường làm việc 4.3. Nội dung cần thích ứng với môi trường làm việc 5. Giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng 5.1. Xác định tư tưởng 5.2. Thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra. 5.3. Luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo 5.4. Đối diện với thử thách 5.5. Chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống 5.6. Giao lưu, hòa mình với mọi người 5.7. Luôn mỉm cười B. Thực hành 1. Bài tập 1 2. Bài tập 2 3. Bài tập 3 | | | | | | |
| 2 | CHƯƠNG VI. KỸ NĂNG PHẢN BIỆN VÀ TƯ DUY SÁNG TẠO A. LÝ THUYẾT 1. Kỹ năng phản biện 1.1. Khái niệm và vai trò của kỹ năng phản biện 1.2. Đặc điểm của người có kỹ năng phản biện 1.3. Rèn luyện kỹ năng phản biện 2. Kỹ năng tư duy sáng tạo 2.1. Khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo 2.2. Các loại tư duy sáng tạo 2.3. Phẩm chất của tư duy sáng tạo 2.4. Quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo B. Thực hành | | 2 | 4 | 3 | 4 | 4 |

| Chương | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | |
|--------|--|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | | CĐR1 | | CĐR2 | | CĐR3 | |
| | | CĐR 1.1 | CĐR 1.2 | CĐR 2.1 | CĐR 2.2 | CĐR 3.1 | CĐR 3.2 |
| | 1. Bài tập 1 2. Bài tập 2 3. Bài tập 3 4. Bài tập 4 5. Bài tập 5 | | | | | | |

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm) | CĐR của học phần | | | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------------------------|
| | | | | | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | |
| 1 | Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần. | 01 điểm | 20% | - Vấn đáp - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần | CĐR1.1; CĐR1.2. | CĐR2.1; CĐR2.2. | CĐR3.1; CĐR3.2. | Điểm trung bình của các lần đánh giá |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa học phần. | 01 điểm | 30% | - Tự luận - 50 phút | CĐR1.1; CĐR1.2. | CĐR2.1; CĐR2.2. | CĐR3.1. | |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần. | 01 điểm | 50% | - Thực hành - 50 phút | CĐR1.1; CĐR1.2. | CĐR2.1; CĐR2.2. | CĐR3.1; CĐR3.2. | |

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: vở ghi, giáo trình, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu chính:**

[1] - Đại học Sao Đỏ (2022), *Giáo trình Kỹ năng mềm*, in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Trần Hoàng Trung (2009), *Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[3] - Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân dịch (2020), *7 thói quen của bạn trẻ thành đạt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

[4] - Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy (2017), *8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công*, NXB Lao động, Hà Nội.

[5] - Ron Clark (2019), *55 nguyên tắc ứng xử thiết yếu để thành công*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

| TT | Nội dung giảng dạy | Số giờ | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|--------------------------------|--|---|
| 1 | <p>CHƯƠNG V. KỸ NĂNG THÍCH ỨNG</p> <p>Mục tiêu bài: Giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm, vai trò và các các kỹ năng thích ứng trong môi trường sống, trong học tập, môi trường làm việc, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng, giao lưu hòa mình với mọi người. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng thích ứng, vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện trong cuộc sống của bản thân.</p> <p>Nội dung cụ thể: A. LÝ THUYẾT 1. Khái niệm, vai trò của kỹ năng thích ứng 1.1. Một số khái niệm 1.2. Vai trò của kỹ năng thích ứng 2. Kỹ năng thích ứng với môi trường sống 2.1. Khái niệm 2.2. Sự cần thiết phải thích ứng với môi trường sống 2.3. Nội dung cần thích ứng với môi trường sống 2.3.1. Môi trường tự nhiên 2.3.2. Môi trường xã hội 2.3.3. Môi trường nhân tạo 3. Kỹ năng thích ứng trong học tập của sinh viên 3.1. Khái niệm kỹ năng thích ứng trong học tập 3.2. Sự cần thiết sinh viên phải thích ứng</p> | 30 (15LT, 14TH, 01KT) | <p>Phương pháp thuyết trình, vấn đáp, trực quan, tổ chức cho sinh viên tranh luận, động não, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi, thực hành.</p> <p>- Giảng viên: + Giảng giải các khái niệm, vai trò và các phương tiện thích ứng, kỹ năng thích ứng với môi trường sống, kỹ năng thích ứng trong học tập của sinh viên, kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc. + Trình chiếu phim tư liệu, hình ảnh. + Đưa ra câu hỏi hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức trò chơi. + Yêu cầu sinh viên đóng vai. + Nhận xét, kết luận.</p> <p>- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: tr. 52-61. [2]: tr.100-175. [3]: tr.45-137. [4]: tr.58-82; tr.410-495.</p> | CDR1.1; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số giờ | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|-------------------------|---|---|
| | <p>trong học tập</p> <p>3.3. Nội dung cần thích ứng trong học tập</p> <p>3.3.1. Nội dung, chương trình học tập</p> <p>3.3.2. Phương pháp học tập</p> <p>3.3.3. Tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động phong trào</p> <p>3.3.4. Cơ sở vật chất</p> <p>4. Kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc</p> <p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.2. Sự cần thiết phải thích ứng với môi trường làm việc</p> <p>4.3. Nội dung cần thích ứng với môi trường làm việc</p> <p>4.3.1. Điều kiện về cơ sở vật chất</p> <p>4.3.2. Quan hệ với cấp trên, đồng nghiệp</p> <p>5. Giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng</p> <p>5.1. Xác định tư tưởng</p> <p>5.2. Thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra.</p> <p>5.3. Luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo</p> <p>5.4. Đối diện với thử thách</p> <p>5.5. Chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống</p> <p>5.6. Giao lưu, hòa mình với mọi người</p> <p>5.7. Luôn mỉm cười</p> <p>B. Thực hành</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>3. Bài tập 3</p> <p>* Kiểm tra giữa học phần</p> | | <p>[5]: tr.78-107; tr.170-207.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Thảo luận theo nội dung giảng viên giao.</p> <p>+ Chuẩn bị bút, giấy và các đồ dùng thực hành.</p> <p>+ Chuẩn bị các tình huống đóng vai, diễn kịch.</p> <p>+ Thực hành theo nội dung tiết học.</p> <p>+ Làm bài kiểm tra giữa học phần.</p> | |
| 2 | <p>CHƯƠNG II. KỸ NĂNG PHẢN BIỆN VÀ TƯ DUY SÁNG TẠO</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò và những lợi ích cụ thể của kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo, các bước rèn luyện kỹ năng phản biện, phân loại, phẩm chất và quy trình, phương pháp tư</p> | 30 (15LT, 14TH, 1KT) | <p>Phương pháp thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận, động não, sử dụng trò chơi, đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giảng giải khái niệm, vai trò, đặc điểm và một số nội</p> | CDR1.2; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số giờ | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|--------|---|--------------|
| | <p>duy sáng tạo. Từ đó biết vận dụng xây dựng kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>A. LÝ THUYẾT</p> <p>1. Kỹ năng phản biện</p> <p>1.1. Khái niệm và vai trò của kỹ năng phản biện</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Vai trò của kỹ năng phản biện</p> <p>1.2. Đặc điểm của người có kỹ năng phản biện</p> <p>1.3. Rèn luyện kỹ năng phản biện</p> <p>1.3.1. Trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên</p> <p>1.3.2. Rèn luyện kỹ năng phân tích</p> <p>1.3.3. Rèn luyện kỹ năng phản biện khi giao tiếp</p> <p>1.3.4. Rèn luyện kỹ năng phản biện bằng cách nâng cao khả năng sáng tạo</p> <p>1.3.5. Rèn luyện kỹ năng phản biện bằng cách giải quyết vấn đề</p> <p>1.3.6. Rèn luyện để có cách nhìn khách quan</p> <p>1.3.7. Hình thành thói quen đặt câu hỏi</p> <p>1.3.8. Hình thành thói quen thông qua việc sử dụng sơ đồ</p> <p>2. Kỹ năng tư duy sáng tạo</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo</p> <p>2.1.1. Khái niệm tư duy sáng tạo</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của tư duy sáng tạo</p> <p>2.1.3. Vai trò của tư duy sáng tạo</p> <p>2.2. Các loại tư duy sáng tạo</p> <p>2.3. Phẩm chất của tư duy sáng tạo</p> <p>2.4. Quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo</p> <p>2.4.1. Các bước trong quy trình tư duy sáng tạo</p> | | <p>đụng rèn luyện kỹ năng phản biện. Khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo; phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo.</p> <p>+ Chiếu các hình ảnh, phim tư liệu.</p> <p>+ Đưa ra chủ đề hướng dẫn SV thảo luận theo nhóm.</p> <p>+ Đưa vấn đề tranh luận.</p> <p>+ Tổ chức trò chơi.</p> <p>+ Yêu cầu sinh viên đóng vai.</p> <p>+ Nhận xét, kết luận.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: tr.62-72.</p> <p>[2]: tr.176-223.</p> <p>[3]: tr.165-325.</p> <p>[4]: tr.223-239; tr.241-292.</p> <p>[5]: tr.29-33; tr.69-73.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Thảo luận theo nội dung giảng viên giao.</p> <p>+ Chuẩn bị bút, giấy và các đồ dùng thực hành.</p> <p>+ Thực hành theo yêu cầu của của giảng viên.</p> <p>+ Chuẩn bị các tình huống đóng vai, diễn kịch.</p> | |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số giờ | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|--------|---------------------|--------------|
| | 2.4.2. Phương pháp tư duy sáng tạo B. Thực hành 1. Bài tập 1 2. Bài tập 2 3. Bài tập 3 4. Bài tập 4 5. Bài tập 5 | | | |

Hải Dương, ngày 9 tháng 8 năm 2022

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Phạm Thị Hồng Hoa

Phạm Xuân Đức